

Bản án số 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 3 năm 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên, ông Giàng A Vư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh T T S, sinh năm: ..

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Có mặt

Bị đơn: Chị P M X, sinh năm: ...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là anh T T S trình bày:

Anh S và chị M được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2009, nhưng đến ngày 14/5/2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi chung sống với nhau anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không quan tâm và giúp đỡ nhau, vợ anh không chung thủy với anh dẫn đến vợ chồng có đánh cãi chửi nhau và li thân từ ngày 27/01/2023 đến nay. Hiện anh S không còn tình cảm với vợ nữa, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh S.

Về con chung: Anh S và chị X có 02 con chung, tên là T A P, sinh ngày ... và T T Q, sinh ngày ... Hiện cháu đang ở cùng anh S. Sau khi ly hôn anh S có nguyện vọng được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh S không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là chị P M X trình bày: Việc chị X và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng như lời khai của anh S. Sau khi chung sống và kết hôn với nhau anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S không tôn trọng chị, tự quyết định mọi vấn đề trong gia đình, chị tham gia thì đánh đập chửi mắng. Thời gian anh S đi làm thuê năm 2022, chị X ở nhà nuôi con anh S thiếu trách nhiệm trong việc đóng góp tiền nuôi con, sau đó tháng 7/2023 chị đi làm ăn và thi thoảng có về thăm con. Về con chung: Chị X có nguyện vọng được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa chị trình bày nếu anh S kiên quyết nuôi 02 con chị cũng nhất trí nhưng phải đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dạy con chung tốt. Về tài sản chung: Chị X trình bày anh chị có 01 ngôi nhà, đất đai bố mẹ chồng cho, 01 xe máy và các vật dụng khác, chị X có ý kiến anh S phải chia cho chị một nửa nhưng chị không có đơn yêu cầu cụ thể, cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Về tài sản tại phiên tòa chị trình bày sẽ đề nghị giải quyết sau. Ngoài ra, chị X không có yêu cầu gì khác, cũng không có yêu cầu phản tố.

Đối với ý kiến của con chung: Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của con chung là cháu T A P và cháu T Th Q. Cháu P và cháu Q hiện đang ở cùng bố và ông bà nội, được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục bình thường. Nguyện vọng của các cháu là muốn được ở cùng bố và ông bà nội như hiện tại.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của anh T T S, xử: Về quan hệ hôn nhân: Anh T T S được ly hôn với chị P M X. Về con chung: giao cháu T A P và cháu T T Q cho anh S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự do chị là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T T S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa anh và chị P M X. Anh S và chị X đều đăng ký hộ khẩu tại xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh T T S và chị P M X là hôn nhân hợp pháp. Sau về chung sống với nhau vợ chồng anh S và chị X chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị thiếu sự quan tâm chia sẻ với nhau, nghi ngờ nhau không chung thủy. Từ đó dẫn đến đánh, cãi chửi nhau, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được, anh chị đã ly thân nhau từ tháng 7/2023 cho đến nay. Xét thấy, cuộc sống chung của hai vợ chồng anh chị không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S, giải quyết cho anh T T S được ly hôn với chị P M X theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh S và chị X có 02 con chung, tên là T A P, sinh ngày .. và T T Q, sinh ngày ... Hiện cháu đang ở cùng chị anh S và ông bà nội được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục bình thường. Anh S có nguyện vọng được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến khi 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng. Tại phiên tòa chị X nhất trí để 02 con cho anh S chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Hiện cháu P và cháu Q đều trên 7 tuổi nguyện vọng các cháu là muốn ở cùng bố như hiện tại. Vì vậy, xét về điều kiện, hoàn cảnh, theo nguyện vọng của con chung và theo quy định của pháp luật, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu P và cháu Q cho anh S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh S và chị X không có nợ chung. Vì vậy Tòa án không xem xét, giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự do anh là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Anh T T S được ly hôn với chị P M X.

Về con chung: Giao cháu T A P, sinh ngày .. và T T Q, sinh ngày .. cho anh S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị X được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho đương sự ở vụ án khác khi có yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Đương sự không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh S được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Trung Tá